

CHÍNH PHỦ
Số: 25/2001/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2001

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Ban hành Quy chế thành lập và hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Điều 4 của Nghị định số 07/2000/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2000 của Chính phủ quy định về chính sách cứu trợ xã hội;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Nghị định này "Quy chế thành lập và hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội".

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Mọi quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Bộ trưởng các Bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tư pháp, Tài chính, Công an, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Chủ nhiệm Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em Việt Nam trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình và theo quy định của pháp luật có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

QUY CHẾ THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Nghị định số 25/2001/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

1. Các cơ sở xã hội hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam do cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (gọi chung là tổ chức) và cá nhân thành lập với mục đích nhân đạo, không vì lợi nhuận, tiếp nhận đối tượng là những người thuộc diện đặc biệt khó khăn, không tự lo được cuộc sống, không có điều kiện sống ở gia đình, được gọi chung là cơ sở bảo trợ xã hội.
2. Cơ sở bảo trợ xã hội có từ 10 (mười) người trở lên thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.
3. Tổ chức, cá nhân có đủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 07/2000/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2000 về chính sách cứu trợ xã hội và tại Quy chế này đều có quyền thành lập cơ sở bảo trợ xã hội.

Điều 2. Đối tượng được tiếp nhận vào nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội bao gồm:

1. Người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, không tự lo được cuộc sống, và là một trong những trường hợp sau:
 - a) Trẻ em mồ côi bị mất nguồn nuôi dưỡng, không còn người thân thích để nương tựa;
 - b) Người già cô đơn, không có nguồn thu nhập, không nơi nương tựa;
 - c) Người tàn tật không có nguồn thu nhập, không nơi nương tựa.
2. Người tâm thần mãn tính có hành vi gây nguy hiểm cho xã hội.
3. Những người không có điều kiện sống ở gia đình, tự nguyện đóng góp kinh phí, hoặc người thân, người nhận bảo trợ đóng góp kinh phí để sống trong cơ sở bảo trợ xã hội.
4. Các đối tượng khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

Điều 3. Cơ sở bảo trợ xã hội là đơn vị hoạt động sự nghiệp xã hội, có tư cách pháp nhân và có nhiệm vụ như sau:

1. Tiếp nhận, tổ chức quản lý, nuôi dưỡng, giáo dục các đối tượng ghi tại Điều 2 của Quyết định này.

2. Tổ chức hoạt động phục hồi chức năng, lao động sản xuất; trợ giúp các đối tượng nuôi dưỡng trong các hoạt động: tự quản, văn hoá, thể thao và các hoạt động khác phù hợp với lứa tuổi và sức khoẻ của từng đối tượng.

3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị để dạy văn hoá, dạy nghề, giáo dục hướng nghiệp nhằm giúp đối tượng xã hội phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, nhân cách, hoà nhập và tái hoà nhập cộng đồng.

Điều 4. Kinh phí đảm bảo hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội bao gồm:

1. Nguồn tự có của chủ cơ sở bảo trợ xã hội;
2. Nguồn trợ giúp từ các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài;
3. Nguồn đóng góp của gia đình, người thân hoặc người nhận bảo trợ đối tượng xã hội;
4. Nguồn thu từ tổ chức lao động sản xuất, dịch vụ;
5. Nguồn huy động khác.

Điều 5.

1. Việc tiếp nhận đối tượng xã hội vào cơ sở bảo trợ xã hội phải đảm bảo đúng người, đúng nguyên tắc và thẩm quyền quy định tại Quy chế này.
2. Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng cơ sở bảo trợ xã hội để hoạt động bất hợp pháp và vụ lợi.

CHƯƠNG II

THÀNH LẬP VÀ GIẢI THỂ CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI

Điều 6. Hồ sơ thành lập cơ sở bảo trợ xã hội của cá nhân theo mẫu thống nhất do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định bao gồm:

1. Đơn xin thành lập cơ sở bảo trợ xã hội.
2. Đề án về việc thành lập cơ sở bảo trợ xã hội: tên gọi, tôn chỉ mục đích, thời hạn và địa bàn hoạt động; số lượng đối tượng xã hội dự kiến tiếp nhận, đội ngũ nhân viên quản lý, nhân viên phục vụ; nguồn tài chính đảm bảo các hoạt động của cơ sở đảm bảo như quy định tại Điều 4 Quy chế này; tên gọi và địa chỉ trụ sở của tổ chức, cá nhân tài trợ (nếu có).
3. Các giấy tờ hợp pháp về quyền sở hữu hoặc sử dụng đất đai và nhà cửa, các phương tiện khác phục vụ cho các hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội.
4. Dự thảo Quy chế (nội quy chi tiết) hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội.

5. Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu (Giám đốc) cơ sở bảo trợ xã hội, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

6. Ý kiến đồng ý bằng văn bản về việc thành lập cơ sở bảo trợ xã hội của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở bảo trợ xã hội đặt trụ sở hoạt động.

Điều 7. Hồ sơ xin thành lập cơ sở bảo trợ xã hội của các tổ chức, đoàn thể bao gồm:

1. Có đủ văn bản như quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều 6 Quy chế này.
2. Cơ sở bảo trợ của tổ chức, đoàn thể, tôn giáo thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì phải có văn bản thẩm định và đề nghị của tổ chức, đoàn thể, tôn giáo cấp tỉnh.

Điều 8. Việc thẩm định hồ sơ thành lập cơ sở bảo trợ xã hội được thực hiện như sau:

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện (quận) thẩm định hồ sơ thành lập cơ sở bảo trợ xã hội hoạt động trên địa bàn huyện và do Phòng quản lý.
2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định hồ sơ thành lập cơ sở bảo trợ xã hội hoạt động trên địa bàn tỉnh và do Sở quản lý.
3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định hồ sơ do các Bộ, ngành lập để trình xin phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội thuộc sự quản lý của các Bộ, ngành.
4. Cơ quan nhận và thẩm định hồ sơ xin thành lập cơ sở bảo trợ xã hội phải thực hiện các quy định sau:

- a) Cấp giấy biên nhận cho bên nộp hồ sơ.
- b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định phải hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền ra quyết định thành lập hoặc thỏa thuận để cơ quan chủ quản thành lập cơ sở bảo trợ xã hội theo quy định tại Điều 8.
- c) Trường hợp cá nhân, tổ chức không đủ điều kiện thành lập cơ sở bảo trợ xã hội thì cấp có thẩm quyền thành lập phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do không đủ điều kiện thành lập cơ sở bảo trợ xã hội.

Điều 9. Thẩm quyền cho phép thành lập, giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội quy định như sau:

1. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ra quyết định đối với cơ sở bảo trợ xã hội thuộc Bộ.

2. Sau khi có sự thỏa thuận với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ ra quyết định đối với các cơ sở bảo trợ xã hội thuộc Bộ, ngành quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định đối với các cơ sở bảo trợ xã hội hoạt động trên phạm vi cấp tỉnh, thành phố thuộc tỉnh.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, huyện, quận, thị xã thuộc tỉnh ra quyết định đối với các cơ sở bảo trợ xã hội của tổ chức đoàn thể, cá nhân với nguồn kinh phí ngoài ngân sách, hoạt động trên phạm vi cấp huyện.

Điều 10. Quy chế hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội quy định tại khoản 4 Điều 6 Quy chế này phải đảm bảo các nội dung sau:

1. Mối quan hệ trong chỉ đạo, điều hành cơ sở bảo trợ xã hội.
2. Trách nhiệm của cán bộ, nhân viên thuộc cơ sở bảo trợ xã hội.
3. Trách nhiệm, quyền lợi của đối tượng nuôi dưỡng trong cơ sở bảo trợ xã hội.
4. Nguyên tắc quản lý tài sản, tài chính của cơ sở bảo trợ xã hội.
5. Những quy định có tính chất hành chính và những vấn đề liên quan khác, phù hợp với đặc điểm của loại hình cơ sở bảo trợ xã hội.

Điều 11. Trường hợp cơ sở bảo trợ xã hội cần thay đổi tên gọi, trụ sở, Giám đốc hoặc thay đổi Quy chế hoạt động của cơ sở thì phải đề nghị bằng văn bản với cơ quan quản lý trực tiếp của cơ sở và cấp ra quyết định thành lập. Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cấp ra quyết định thành lập phải trả lời bằng văn bản về đề nghị của cơ sở; quá thời hạn nêu trên, nếu không nhận được văn bản trả lời, thì cơ sở bảo trợ xã hội được thực hiện theo các thay đổi đã đề nghị.

Điều 12. Một người không được cùng lúc thành lập nhiều cơ sở hay làm giám đốc của 02 cơ sở bảo trợ xã hội trở lên, trừ trường hợp các cơ sở này đều do một tổ chức hoặc một người tài trợ.

Điều 13. Giải thể cơ sở bảo trợ xã hội:

1. Hồ sơ xin giải thể cơ sở bảo trợ xã hội gồm có:
 - a) Đơn xin giải thể cơ sở bảo trợ xã hội, nội dung đơn cần nêu rõ lý do xin giải thể trước thời hạn;